

Số: 1218 /VBCB-BV199
V/v công bố bổ sung đáp ứng yêu
cầu đào tạo thực hành theo
ND 111/ND-CP

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 07 năm 2023

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện 199 – Bộ Công an
Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 247/BYT - GPHĐ do Bộ Y tế
cấp ngày 02/10/2014 (*Cấp lại ngày 15/11/2019*)

Địa chỉ: Số 216 Nguyễn Công Trứ, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Tiến sĩ Quách Hữu Trung

Điện thoại liên hệ: 0916.306466

Email: daotaobv199@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy
định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố
đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: (*Phụ lục 1*)
 2. Trình độ đào tạo thực hành: (*Phụ lục 1*)
 3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): (*Phụ
lục 1*)
 4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (*Phụ lục 2*)
 5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế
răng tại mỗi khoa phòng: (*Phụ lục 2*).
 6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (*Phụ lục 3*).
- Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.
Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KITH.

GIÁM ĐỐC 
TS.BS Quách Hữu Trung

BỘ CÔNG AN
BỆNH VIỆN 199

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 07 năm 2023

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG													
1	6720101	Cao đẳng	Y sĩ đa khoa	Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 1	Thực hành thăm khám và điều trị người bệnh mắc bệnh hô hấp - tuần hoàn thường gặp; cách làm bệnh án	Khoa Nội Phổi – Lao – Da liễu (A4)	02	02	30	30	30	0	30
				Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 2	Thực hành thăm khám và điều trị người bệnh mắc bệnh tiêu hóa - tuần hoàn thường gặp...	Khoa Nội tiêu hóa (Khoa A2)	02	02	30	32	32	0	30
				Thực hành Lâm sàng	Thực hành cách khám và điều trị người bệnh nội tiết chuyển hóa; cơ	Đơn vị Nội Tiết Huyết	03	03	45	75	75	0	30

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Bệnh học người lớn 3	xương khớp; người bệnh chấn thương sọ não; bông, gãy xương..	học Lâm Sàng; Khoa nội Tim mạch-Lão-Thận, khớp (Khoa A3)							
				Thực hành Lâm sàng Cấp cứu, cấp cứu ngoại viện	Thực hiện tốt các kỹ thuật cấp cứu ngoại viện. Giao tiếp hiệu quả với nhân viên bệnh viện, người nhà và người bệnh.	Đơn vị cấp cứu	03	03	45	15	45	0	45
				Thực hành Lâm sàng Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	Thực hành các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành YHCT-PHCN	Khoa Y học cổ truyền (Khoa A6); Khoa VLTL-PHCN (Khoa C9)	04	04	60	90	90	0	60
				Thực hành lâm sàng phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng/lâm	- Thực hành các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành PHCN dựa vào cộng đồng.								

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				sàng bệnh chuyên khoa									
				Thực hành Lâm sàng Bệnh chuyên khoa	Thực hành các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt một cách thành thạo	Khoa Tai Mũi Họng (Khoa B5); Khoa Răng-Hàm-Mặt, Mắt (Khoa B8)	04	04	60	38	60	0	60
2	6720102	Cao đẳng	Y học cổ truyền	Thực hành lâm sàng nội bệnh lý y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống: tim mạch – hô hấp; thần kinh; cơ xương khớp; thận – nội tiết – huyết học; tiêu hoá gan – mật	Y học cổ truyền (Khoa A6)	05	05	75	37	37	0	75
				Thực hành lâm sàng đa liệu y học cổ truyền	Viêm mô tế bào; Chàm; Zona; Mụn trứng cá; Mề đay								
				Thực tập lâm sàng y	Tiếp nhận bệnh nhân đến khám và điều trị bằng phương pháp châm cứu; Lâm và bình bệnh án, lập kế hoạch								

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				học cổ truyền	điều trị các bệnh thông thường bằng phương pháp châm cứu; Chuẩn bị dụng cụ và thao tác châm cứu trên người bệnh; Xoa bóp, bấm huyệt điều trị các bệnh thông thường; Kiên tập xử lý tai biến do châm cứu....								
				Thực hành lâm sàng ngoại bệnh lý y học cổ truyền	Bong gân; Trật khớp; Bỏng; Sỏi đường tiết niệu; Trĩ; Vết thương phần mềm;								
				Thực hành lâm sàng nhi khoa y học cổ truyền	Suy dinh dưỡng; Viêm hô hấp; hen phế quản; Đái đái không thực tồn								
				Thực tập lâm sàng cộng đồng	Trang bị các kỹ năng xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên ở cộng đồng, kỹ năng tư vấn giải pháp hỗ trợ sức khỏe cho người dân bằng YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ và có thái độ chuyên nghiệp, trung thực, khách quan và chính xác trong phát hiện vấn đề nghiên cứu.								
				Thực hành lâm sàng sản phụ	Viêm sinh dục nữ; Chăm sóc tiền sản ỏm nghén; Viêm tuyến vú, tắc tia sữa; Chăm sóc hậu sản bí tiểu sau sanh; Chăm sóc hậu sản tiểu són sau sanh								

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng NGD đạt yêu cầu	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				khoa y học cổ truyền									
				Thực tập lâm sàng châm cứu	Trang bị các kỹ năng hào châm, cứu, ôn châm, điện châm, mai hoa châm trên mô hình và trên người, kỹ năng làm việc nhóm.								

PHỤ LỤC 2, PHỤ LỤC 3
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/KHOA/GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
I ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG										
1 Cao đẳng Y sĩ đa khoa										
1.	Nguyễn Thị Nhung	BSCKII	Nội khoa	0028365/ BYT- CCHN	Nội khoa	18	Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 1	Thực hành thăm khám và điều trị người bệnh mắc bệnh hô hấp - tuần hoàn thường gặp; cách làm bệnh án	Khoa Nội Phổi – Lao – Da liễu (A4)	30
2.	Nguyễn Văn Huân	BSCKI	Nội tổng hợp, Da liễu	0018856/ BYT- CCHN	Nội tổng hợp, Da liễu	11				
3.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BSCKI	Nội khoa	029778/ BYT- CCHN	Nội khoa	07	Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 2	Thực hành thăm khám và điều trị người bệnh mắc bệnh tiêu hóa - tuần hoàn thường gặp...	Khoa Nội tiêu hóa (Khoa A2)	32
4.	Hoàng Phương Thủy	ThS	Nội khoa	0017627 /BYT- CCHN	Nội khoa	18				
5.	Trần Thị Huyền Trang	BSCKI	Nội khoa	0026589 /BYT- CCHN	Nội khoa	08	Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 3	Thực hành cách khám và điều trị người bệnh nội tiết chuyển hóa; cơ xương khớp; người bệnh chấn thương sọ	Đơn vị Nội Tiết Huyết học Lâm Sàng; Khoa nội Tim mạch- Lão-Thận, khớp (Khoa A3)	32
6.	Hoàng Văn Đức	BSCKI	Nội khoa	0026590/ BYT- CCHN	Nội khoa	18				48
7.	Bùi Quốc Bảo Thành	BSCKI	Nội khoa	037417/ BYT- CCHN	Nội khoa	05				48

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
								não; bóng, gãy xương..		
8.	Đỗ Văn Tá	BSCKI	Nội khoa	037016/ BYT-CCHN	Nội khoa	09	Thực hành Lâm sàng Cấp cứu, cấp cứu ngoại viện	Thực hiện tốt các kỹ thuật cấp cứu ngoại viện. Giao tiếp hiệu quả với nhân viên bệnh viện, người nhà và người bệnh.	Khoa Khám bệnh; Đơn vị cấp cứu	15
9.	Nguyễn Xuân Bình	BSCKI	Nội khoa	040102/ BYT-CCHN	Nội khoa	18				15
10.	Nguyễn Thị Mỹ Lý	BSCKII	Nội khoa	0017056/ BYT-CCHN	Nội khoa	18				15
11.	Dương Thị Thu Hiền	BSCKI	Tai Mũi Họng	0018759 /BYT-CCHN	Tai Mũi Họng	25	Thực hành Lâm sàng Bệnh chuyên khoa	Thực hành các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt một cách thành thạo	Khoa Tai Mũi họng (Khoa B5)	23
12.	Lê Văn Điệp	BSCKII	Tai Mũi Họng	0015012 /BYT-CCHN	Tai Mũi Họng	15				23
13.	Hoàng Thị Thu Hoài	BSCKI	Răng Hàm Mặt – Mắt	0015010 /BYT-CCHN	Răng Hàm Mặt	11			Khoa Răng-Hàm-Mặt, Mắt (Khoa B8)	15
14.	Nguyễn Thị Huyền	BSCKI	Răng Hàm Mặt – Mắt	034929/ BYT-CCHN	Răng Hàm Mặt	18				15
15.	Tường Thị Thu Hường	BSCKI	VLTL-PHCN	031199/ BYT-CCHN	VLTL-PHCN	18	- Thực hành lâm sàng phục hồi chức năng dựa vào cộng	- Thực hành các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng	Khoa Y học cổ truyền (Khoa A6); Khoa VLTL-	45
16.	Lưu Trương Thị Trinh	BSCKI	VLTL-PHCN	030498/ BYT-CCHN	VLTL-PHCN	08				45

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
17.	Trương Thị Hương Giang	BSCKI	Y học cổ truyền	033414/ BYT-CCHN	Y học cổ truyền	13	đồng/lâm sàng bệnh chuyên khoa;	thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành PHCN dựa vào cộng đồng.	PHCN (Khoa C9)	
18.	Vũ Đình Thanh	Cử nhân	PHCN	0026458/ BYT-CCHN	PHCN	06	- Thực hành Lâm sàng Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	- Thực hành các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành YHCT-PHCN		45
2	Cao đẳng Y học cổ truyền									
19.	Trần Thị Thủy	BS CKI	YHCT	0022488/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền		Thực hành lâm sàng nội bệnh lý y học cổ truyền	Bệnh học và điều trị nội khoa kết hợp hệ thống: tim mạch – hô hấp; thần kinh; cơ xương khớp; thận – nội tiết – huyết học; tiêu hoá gan – mật	Y học cổ truyền (Khoa A6)	37
							Thực hành lâm sàng da liễu y học cổ truyền	Viêm mô tế bào; Chàm; Zona; Mụn trứng cá; Mề đay		

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
20.	Trần Thị Thơ	CKI	Y học cổ truyền	022489/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	09	Thực tập lâm sàng y học cổ truyền Thực hành lâm sàng ngoại bệnh lý y học cổ truyền	Tiếp nhận bệnh nhân đến khám và điều trị bằng phương pháp châm cứu; Làm và bình bệnh án, lập kế hoạch điều trị các bệnh thông thường bằng phương pháp châm cứu; Chuẩn bị dụng cụ và thao tác châm cứu trên người bệnh; Xoa bóp, bấm huyệt điều trị các bệnh thông thường; Kiến tập xử lý tai biến do châm cứu.... Bong gân; Trật khớp; Bỏng; Sỏi đường tiết niệu; Trĩ; Vết thương phần mềm;	Y học cổ truyền (Khoa A6)	37
21.	Bùi Thị Nhung	CKI	Y học cổ truyền	022487/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh	09	Thực hành lâm sàng nhi khoa y	Suy dinh dưỡng; Viêm hô hấp; hen phế	Y học cổ truyền (Khoa A6)	37

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
					bằng y học cổ truyền		học cổ truyền	quân; Đái dầm không thực tồn Trang bị các kỹ năng xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên ở cộng đồng, kỹ năng tư vấn giải pháp hỗ trợ sức khỏe cho người dân bằng YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ và có thái độ chuyên nghiệp, trung thực, khách quan và chính xác trong phát hiện vấn đề nghiên cứu.		
22.	Mai Thị Thu	Đại học	Y học cổ truyền	022485/ BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	09	Thực tập lâm sàng cộng đồng	Viêm sinh dục nữ; Chăm sóc tiền sản ồm nghén; Viêm tuyến vú, tắc tia sữa; Chăm sóc hậu sản bí tiểu sau sanh; Chăm sóc hậu	Y học cổ truyền (Khoa A6)	37



TT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học	Nội dung môn học	Tên khoa thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
								sản tiêu sôn sau sanh		
							Thực tập lâm sàng châm cứu	Trang bị các kỹ năng hào châm, cứu, ôn châm, điện châm, mai hoa châm trên mô hình và trên người, kỹ năng làm việc nhóm.		

**DANH SÁCH TRANG THIẾT BỊ KHOA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU
GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (Dựa vào chương trình thực hành)
(Cao đẳng/ Y sĩ đa khoa)**

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số IntelliVuc MX430	1	
2.	Máy theo dõi BN(5thông số), Drager, Gamma XI.	4	
3.	Máy theo dõi T.tâm, Drager, InFinity Centra Station	1	
4.	Máy thở PLV - 102/RESPIRONICS	1	
5.	Máy thở cao tần (kèm máy nén khí).MD: 3100B	1	
6.	Máy thở cơ động NEWPORT HT 50	2	
7.	Máy thở chức năng cao xâm nhập và không xâm nhập E	1	
8.	Máy thở chức năng xâm nhập và không xâm nhập V680	1	
9.	Máy thở chức năng cao (kèm máy nén khí) CareScap R860	2	
10.	Máy thở đa năng Hamilton C2	1	
11.	Máy thở hồi sức tích cực cao cấp Extend XT; SN:3024	1	
12.	Máy thở Nellcor Puritan Bennett 840; SN:3512201192	1	
13.	Máy thở xách tay kèm van PEEP.MD: Monnal T60	1	
14.	Máy thở xâm nhập VFS-410	4	
15.	Máy truyền dịch - P 600	3	
16.	Máy truyền dịch. MD: TOP-2300	4	
17.	Máy xông khí dung siêu âm Comfort2000KU-400/Shin-ci	1	
18.	Monitor theo dõi bệnh nhân BSM - 2301 K	2	
19.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5-6thông số SL2600(91370)	1	
20.	Tủ sấy 97 lít MOV-112 Sanyo	1	
21.	Thùng rửa Inox (D1200xR60xH80)-HT x.lý nước TNT	1	
22.	Xe cấp phát thuốc. Model: KI-ET750	1	
23.	Xe tiêm 2 tầng Inox 304(3 ngăn kéo, 2 xô)	2	
24.	Monitor t.dõi b.nhân 5t.số.MD: CareScap Monitor B450	1	
25.	Máy điện tim 6 cần + Xe đẩy Nihon Kohden-ECG 9020K	1	
26.	Máy điện tim 6 kênh.MD: ECG-1250K, SN:14284	1	
27.	Máy đo điện tim gắng sức. MD: PCE-200	1	
28.	Máy hút dịch áp lực thấp + xe đẩy - MSP 210	1	
29.	Máy khí dung siêu âm - NE-U17	1	
30.	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701	1	
31.	Máy truyền dịch - P 600	1	
32.	Monitor theo dõi bệnh nhân BSM - 2301 K	1	
33.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5-6thông số SL2600(91370)	1	
34.	Tổ hợp giám sát tim mạch ngày đêm	1	
35.	Máy đo chức năng hô hấp KoKo SX 1000; SN:1904K4134	1	
36.	Máy hút dịch áp lực thấp + xe đẩy - MSP 210	1	
37.	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp.MD: Constant-1400	5	
38.	Máy khí dung siêu âm - NE-U17	1	
39.	Máy khí dung siêu âm (lấy b.phẩm) Comfort 3000 KU-500	2	
40.	Máy khí dung thường.MD: Comfort 3000 KU-500	2	



TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
41.	Máy lọc và khử khuẩn không khí c.suất nhỏ. NV200	1	
42.	Máy lọc và khử khuẩn không khí c.suất T.bình.NV800	1	
43.	Máy tạo oxy.MD: Companion 5	1	
44.	Máy đo chức năng hô hấp kèm phụ kiện Spirolab	1	
45.	Máy đo huyết áp tự động (Omron). MD: HBP 9020	1	
46.	Máy đo huyết áp tự động. MD: AC-05P, SN:44803109	1	
47.	Máy đo huyết áp tự động.MD: AC-05P,SN:44711041	1	
48.	Máy đo loãng xương sóng siêu âm CM-300	1	
49.	Bộ dụng cụ phục hồi chức năng MEGACAM-222	1	
50.	Cặp dẹt từ	1	
51.	Dầu phát sóng siêu âm,kích thước 5cm2	1	
52.	Đèn hồng ngoại.MD:IR-2014;201809201;201809208	3	
53.	Ghế luyện tập 3446261	1	
54.	Giường điều trị chạy điện 2 khúc 222E	1	
55.	Hệ thống bàn và vòng từ Model AAC551-LC60	1	
56.	Khung quay tập khớp vai điều chỉnh 5 mức trở kháng	1	
57.	Máy ánh sáng sinh học TT-280	1	
58.	Máy điện rung Massage Modell: VR7N	6	
59.	Máy điện trị liệu d.năng có thể đ.trị cho 2 b.nhân	1	
60.	Máy điều trị bằng sóng xung kích.MD: Deacell	1	
61.	Máy điều trị giảm đau cơ xương khớp.MD:EU-941	1	
62.	Máy điều trị vi sóng - SMT-250	2	
63.	Máy k.thích điện dòngTENS hai kênh.MD:TENS-120Z	2	
64.	Máy kéo dẫn cột sống thắt lưng. MD: 15562, 15615	1	
65.	Máy kích thích điện - SJ - 107	1	
66.	Máy laser điều trị.MD: LP50	1	
67.	Máy massage 4 tay cầm 2 đầu dấm VR-7N	1	
68.	Máy siêu âm điều trị PHYSIOSON - EXPERT	1	
69.	Máy siêu âm điều trị tần số 1&3MHz.MD:PHY..EVIDENT	1	
70.	Máy sóng ngắn điều trị SW - 180	1	
71.	Máy sóng ngắn điều trị.MD:PHYSIOTHERM-S	1	



TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
72.	Máy tậpcobụng và coliênsườn;IIC-BII-MA785;MA7850071	1	
73.	Máy tậpcomông,codùitrong;IIC-BII-MA769-NR4;MA7690071	1	
74.	Máy tậpcongựclónbắptaytrướcvàsau;M:HC-BII-MA771-NR2	1	
75.	Máy trị liệu bằng sóng siêu âm. MD: Sonopuls 490	1	
76.	Máy trị liệu xoa bóp tuần hoàn khí.MD:WHF-324	2	
77.	Máy xông hơi khô 6,5 kg.MD: Nison	1	
78.	Máy xông hơi ướt 6,5 kg	1	
79.	MáytrịliệuLaserScancôngsuấtcáo.M:PhysioLaserScanIP4	1	
80.	Phòng xông hơi khô	1	
81.	Phòng xông kính cường lực (xông ướt)	1	
82.	Tủ sấy 97 lít MOV-112 Sanyo	1	
83.	Tủ sấy Paraffin.Md:IIDM 20,SN:TS201803-3	1	
84.	Th.bị k.thích điện&giác hút.MD:II-3000S,N:F-01-2630	1	
85.	Th.bị t.đứng và giữ thăng bằng-TheRa trainer coro	1	
86.	Th.bị tập chi trên.c.dưới d.chính 5 mức trở kháng	1	
87.	Thiết bị điện trị liệu tần số thấp Model Stim-2777	1	
88.	Thiết bị laser nội mạch.MD:GX-1000,N:2019650001	1	
89.	Thiết bị siêu âm điều trị Ultrasound- 2776	1	
90.	Thiết bị từ trường trị liệu Model: Magnitomed 2000	1	
91.	Vòng từ đường kính 30cm Model ACC549-CP30.	1	
92.	Vòng từ đường kính 50cmModel ACC550-CP50	1	
93.	Xe tiêm 2 tầng Inox304(2ng.kéo,2x.d.rác,1x.vậtsắc)	1	

**DANH SÁCH TRANG THIẾT BỊ KHOA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU
GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (Dựa vào chương trình thực hành)
(Cao đẳng/ Y học cổ truyền)**

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Ấm sắc thuốc.	12	
2.	Bàn phát thuốc đông y INOX	1	
3.	Bảng meca	11	
4.	Bát INOX	2	
5.	Bô dẹt men	6	
6.	Bộ giác ống hơi	3	
7.	Bộ tranh châm cứu KT: 60x80cm, khung gỗ, mặt kính 3 cái/bộ	1	
8.	Bô tròn men	3	
9.	Bóp bóng cấp cứu người lớn	1	
10.	Búa thử phản xạ	1	
11.	Cân bệnh nhân có thước đo	1	
12.	Cáng bột (Cáng bệnh nhân thẳng)	1	
13.	Chậu ngâm chân chất liệu gỗ thông	4	
14.	Dè lưỡi cong Inox	3	
15.	Dè lưỡi thẳng Inox	3	
16.	Đệm giường bệnh nhân 1880x880x80mm	34	
17.	Đèn cực tím di động 2 bóng 90cm (có hẹn giờ)	1	
18.	Đèn đọc phim (125x50x12)	1	
19.	Đèn đọc phim X - Quang 2 cửa - FS34-2	1	
20.	Đèn khám bệnh để bàn	5	
21.	Đồng hồ ẩm kế + nhiệt kế	1	
22.	Giá để thăm tập 5 bậc (gỗ)	2	
23.	Giá treo hộp 5 lít	3	
24.	Giá truyền huyết thanh + giỏ đựng	2	
25.	Giường bệnh nhân Inox + đệm	19	
26.	Giường bệnh nhân INOX 201	8	
27.	Giường bệnh nhân Inox SUS304 (gồm giường, tủ, nệm, ga)	5	
28.	Hộp đựng bông, cồn Inox	1	



29.	Hộp đựng bông, cồn Inox phi 8.	4	
30.	Hộp đựng dụng cụ 30x15x7 cm	1	
31.	Hộp đựng dụng cụ Inox cỡ lớn (300x400x150mm)	1	
32.	Hộp đựng dụng cụ Inox cỡ nhỏ (180x100x50mm)	3	
33.	Hộp đựng dụng cụ Inox cỡ trung (165x320x65mm)	3	
34.	Hộp đựng vật sắc nhọn, nguy hiểm loại 5 lít(nhựa)	3	
35.	Hộp hấp Inox phi 300	1	
36.	Huyết áp kế đồng hồ ALK2	4	
37.	Kéo cắt băng gạc 22 cm	2	
38.	Kẹp bông băng 24 cm	2	
39.	Khay chữ nhật 24x34cm (A8)	6	
40.	Khay đếm thuốc Inox	1	
41.	Khay đựng dụng cụ Inox cỡ lớn	3	
42.	Khay đựng dụng cụ Inox cỡ nhỏ 225x160x25mm	1	
43.	Khay quả đậu cạn	6	
44.	Khay quả đậu Inox cỡ bé 425ml	6	
45.	Khay quả đậu Inox cỡ lớn 825ml	2	
46.	Khay quả đậu loại lớn	2	
47.	Máy điện châm 6 kênh có đầu dò huyết đạo KWD-808I	5	
48.	Máy điện châm đa năng KWD-808I	10	
49.	Máy điện châm KWD-808 I	20	
50.	Máy điện châm.	70	
51.	Máy MASAGER 4 tay cầm, 2 đầu đầm	1	
52.	Máy xông chân kèm chậu xông bằng gỗ Pomu	2	
53.	Nạng tay gỗ	2	
54.	Nệm cửa giường BN	8	
55.	Nhiệt kế cảm ứng.	2	
56.	Nhíp nha khoa	2	
57.	Nồi hấp dụng cụ y tế	1	
58.	Nồi hấp thảo dược 10 lít	1	
59.	Nút chuông gọi phục vụ ST-100	11	
60.	Ống cầm dụng cụ	3	



61.	Ông cầm dụng cụ VN	1	
62.	Ông nghe ALK2	8	
63.	Panh Kocher có mẫu 16 cm 17-391..	3	
64.	Panh Kocher không mẫu 16 cm 17-373MRU	2	
65.	Panh thẳng không mẫu 16cm Gold Pakistan	6	
66.	Phích đựng thuốc 0.5 lít Trung Quốc	7	
67.	Siêu sắc thuốc vụn an VA61-CM	3	
68.	Thảm tập yoga eco friendly 65x175cm (cao su non)	10	
69.	Tủ đầu giường INOX 201	8	
70.	Tủ đầu giường INOX.	17	
71.	Tủ đựng dụng cụ Inox	1	
72.	Tủ đựng thuốc Inox	1	
73.	Túi chườm nóng lạnh	1	
74.	Xe đẩy bàn tiêm và phát thuốc (2 tầng)	2	
75.	Xe đẩy bệnh nhân ngồi	1	
76.	Xe đẩy cáng bệnh nhân	1	
77.	Xe tiêm phát thuốc 3 tầng inox 304 có 02 xô inox	1	
78.	Đèn hồng ngoại.MD:IR-2014;201809201;201809208	1	
79.	Giường y tế điều khiển điện HK-9008	2	
80.	Màn hình hiển thị SR-A330	1	
81.	Máy điện rung Massage Modell: VR7N	2	
82.	Máy kích thích liên xương bằng máy siêu âm	1	
83.	Máy sắc thuốc 24 bếp MD: ST-24	1	

Nơi nhận:

- Cục Y tế (H06);
- Cục Khoa học Công nghệ và đào tạo – Bộ Y tế;
- Lưu: VT, KITH.

